

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2020/DS-PT
Ngày: 18-3-2020
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố
văn bản công chứng vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Vân

Bà Trần Thị Quỳnh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020, về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 810/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 347/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1646/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Minh M, sinh năm 1964; địa chỉ: 18 đường 11, khu phố 1, phường B, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945; địa chỉ: 28 đường D, khu phố 4, phường B, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1976; địa chỉ: 28 đường D, khu phố 4, phường B, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 21/11/2018), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Phòng Công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 12 đường N, phường B, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1949; địa chỉ: 28 đường D, khu phố 4, phường B, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1976 (có mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1976; địa chỉ: 28 đường D, khu phố 4, phường B, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Võ Minh M - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 14/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Võ Minh M trình bày:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2016/DS-ST ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Z và Bản án dân sự phúc thẩm số 717/2016/DS-PT ngày 21/6/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Võ Minh M số tiền nợ là 456.700.000 đồng. Trong quá trình cơ quan thi hành án đang thi hành bản án trên thì ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị R đã ký hợp đồng tặng cho nhà đất số 28 đường D, khu phố 4, phường B, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 35914 do Phòng Công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 18/11/2015 cho con là bà Nguyễn Thị Thu Th nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 35914 do Phòng công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 18/11/2015 nói trên là vô hiệu do giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án với ông.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày: Bà Th xác nhận ông Nguyễn Văn T có nợ ông Võ Minh M số tiền 456.700.000 đồng theo hai bản án nói trên đúng như phía ông M trình bày. Tuy nhiên, việc ông T và bà R ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 35914 do Phòng công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 18/11/2015 để tặng cho bà Th là đúng quy định và không nhằm né tránh trách nhiệm trả nợ do việc tặng cho nhà đất đã được thực hiện trước khi có bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án buộc ông T phải trả nợ. Bà Th cũng đã thực hiện xong thủ tục đăng bộ và được cập nhật sang tên ngày 22/12/2015. Do đó, bị đơn ông Nguyễn Văn T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh M

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày: Bà được cha và mẹ là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị R tặng cho nhà đất

nói trên theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 35914 do Phòng Công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 18/11/2015. Bà Th cũng đã thực hiện xong thủ tục đăng bộ và được cập nhật sang tên ngày 22/12/2015. Do đó, bà Th không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Minh M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R trình bày: Bà cùng ý kiến với ông T và không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị R đã tiến hành tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 35914 do Phòng công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 18/11/2015. Việc ký hợp đồng tặng cho này đã được Phòng Công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện đúng trình tự và thủ tục do pháp luật quy định và phù hợp với nội dung yêu cầu công chứng của các bên tham gia giao kết; do đó, phòng công chứng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 810/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 35914 do Phòng Công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 18/11/2015 vô hiệu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn kháng cáo của nguyên đơn, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo – ông Võ Minh M trình bày: Ông không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Z, ông T nợ tiền ông có làm giấy nợ, khi ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả nợ thì ông T vẫn là chủ sở hữu tài sản. Ông T tặng cho tài sản là để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 810/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Phòng Công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – ông Võ Minh M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Theo các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ, thể hiện thời điểm ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị R lập hợp đồng số công chứng 35914, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng Công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 18/11/2015 về việc tặng cho bà Nguyễn Thị Thu Th nhà đất tọa lạc tại số 28 đường D, khu phố 4, phường B, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Th đã thực hiện xong thủ tục đăng bộ và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai quận Z cập nhật sang tên ngày 22/12/2015 có thể khẳng định là trước khi Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2016/DS-ST ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Z và Bản án dân sự phúc thẩm số 717/2016/DS-PT ngày 21/6/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định buộc ông T trả nợ ông M số tiền 456.700.000 đồng có hiệu lực pháp luật. Như vậy, việc tặng cho nhà đất giữa ông T, bà R với bà Th đã thực hiện xong trước khi có bản án có hiệu lực pháp luật xác định ông T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông M. Theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì không có căn cứ cho rằng ông T, bà R tặng cho bà Th tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 75 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 xác định không có căn cứ cho rằng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị R thực hiện giao dịch tặng cho nhà đất cho bà Nguyễn Thị Thu Th là giả tạo nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thi hành án và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ chứng cứ cũng như áp dụng đúng quy định pháp luật; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 810/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy

nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm tuyên án đúng nhưng chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm cần phải bổ sung thêm chủ thể của hợp đồng tặng cho và tài sản tặng cho để bản án rõ ràng và đầy đủ hơn.

Về án phí: Ông Võ Minh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Võ Minh M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 810/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị R và bà Nguyễn Thị Thu Th đối với nhà đất tọa lạc tại 28 đường D, khu phố 4, phường B, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 35914, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng Công chứng X, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 18/11/2015 vô hiệu.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Minh M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0037997 ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Minh M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0056328 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Z;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Z;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hương